

Bản án số: 203/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông VÕ THANH BÌNH.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông VÕ VĂN CƯỜNG.
2. Bà LÊ THỊ LAN.

- Thư ký phiên tòa: Ông TRẦN MINH CƯỜNG – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông NGUYỄN VĂN HẢI – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 603/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2017/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 16, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bi đơn: Anh Huỳnh Trung V, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 16, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị C có mặt, anh V có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè nguyên đơn chị Phạm Thị C xác định:

Chị và anh Huỳnh Trung V chung sống với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên uống rượu, bia xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được quyền ly hôn với anh V.

Chị và anh V có hai con chung tên Huỳnh Anh D sinh ngày 10/7/1993 và Huỳnh Trung S sinh ngày 04/5/2005 (Đã chết ngày 27/12/2012). Con chung đã thành niên, lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Trung V trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/9/2017 xác định:

Anh và chị C là vợ chồng có đăng ký kết hôn là đúng. Giữa anh và chị C có mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân nhau. Nay chị C yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Con chung có hai như lời chị C trình bày. Nếu Tòa án cho ly hôn anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị C: Giữ nguyên ý kiến như trên.
- Anh V: Có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như trên.
- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Huỳnh Trung V là bị đơn trong vụ án nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh trong vụ án này.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh V là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Chị C xác định giữa chị và anh V có nhiều mâu thuẫn như bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên uống rượu, bia xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị nên đã ly thân từ năm 2013. Trong thời gian ly thân vợ chồng chị không hàn gắn tình cảm vợ chồng được. Nay tình cảm vợ chồng của chị không còn nên yêu cầu được quyền ly hôn với anh V. Anh V thừa nhận vợ chồng anh có nhiều mâu thuẫn, đã ly thân nhau. Nay chị C yêu cầu xin ly hôn anh không đồng ý do còn thương vợ.

Hai anh chị đều thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị C và anh V là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị C được quyền ly hôn với anh V.

[3]. Về con chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[6]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 58, 59 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị C được quyền ly hôn với anh Huỳnh Trung V.

2. Về con chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí:

Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 07346 ngày 14/8/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên xem như chị đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh V được tính từ ngày tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

6. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B, huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Bình